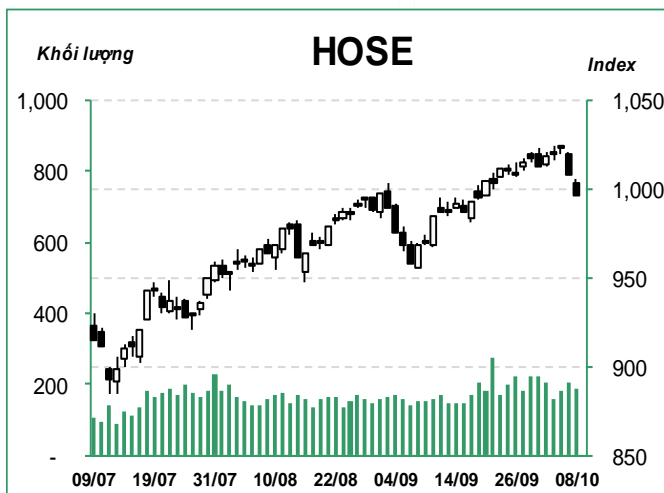


Tổng quan thị trường

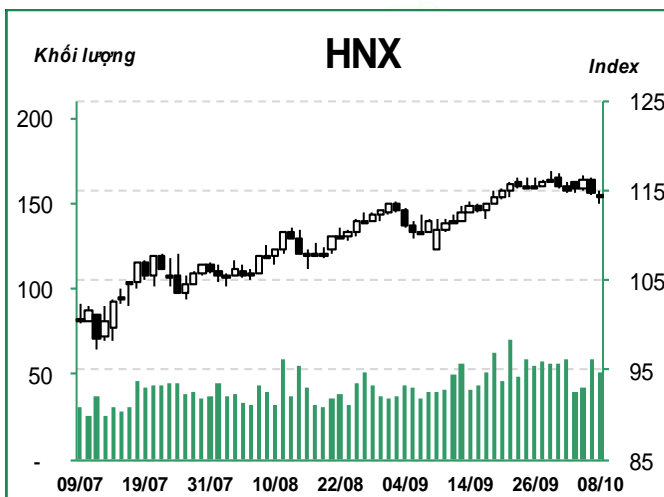
08/10/2018	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	996.12	-1.22%	970.28	-1.07%	114.38	-0.25%
Cuối tuần trước	1,017.13	-2.07%	994.73	-2.46%	116.28	-1.63%
Trung bình 20 ngày	1,004.00	-0.79%	975.49	-0.53%	114.54	-0.13%
Tổng KLGD (triệu cp)	205.52	-30.13%	78.54	-47.86%	53.71	-13.88%
KLGD khớp lệnh	185.95	-10.02%	71.31	-4.37%	50.84	-13.78%
Trung bình 20 ngày	188.19	-1.19%	64.34	10.82%	52.16	-2.54%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	5,097.01	-56.02%	2,851.90	-68.59%	733.15	-18.83%
GTGD khớp lệnh	4,152.61	-7.33%	2,294.23	-7.34%	697.57	-17.94%
Trung bình 20 ngày	4,235.49	20.34%	2,244.30	27.07%	715.17	2.51%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	107	31%	7	23%	63	17%
Số mã giảm	173	51%	18	60%	87	23%
Số mã đứng giá	60	18%	5	17%	224	60%



Thị trường tiếp tục có phiên giảm điểm mạnh bất chấp KQKD quý 3 đang dần lộ diện khiến cho chỉ số mất mốc hỗ trợ tâm lý 1,000 điểm trong ngày hôm nay. Áp lực bán xuất hiện vẫn ở nhóm cổ phiếu trụ cột như Bất động sản, dầu khí và thực phẩm & đồ uống khiến cho chỉ số chìm trong sắc đỏ xuyên suốt phiên giao dịch.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 996.12 điểm (-1.22%), với KLGD khớp lệnh đạt 185.9 triệu cổ phiếu (-10.0%), tương đương 4,153 tỷ đồng giá trị (-7.3%).

Các cổ phiếu trụ cột vốn hóa lớn thuộc nhóm Bất động sản VIC (-1.9%), VHM (-2.1%), VRE (-4.1%), dầu khí GAS (-2.9%), PLX (-3.2%), PVD (-4.4%) hay thực phẩm & đồ uống VNM (-1.6%), MSN (-1.3%), KDC (-0.7%) đều có diễn biến khá tiêu cực.



Về diễn biến giao dịch của khối ngoại, khối này đảo chiều bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 94.3 tỷ đồng, lực bán tập trung ở các mã VIC (-97.5 tỷ), MSN (-92.4 tỷ), NVL (-50.9 tỷ). Ở chiều ngược lại, TCH (+60.0 tỷ), BID (+54.9 tỷ), YEG (+43.6 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất.

Tương tự diễn biến HSX, HNX-Index đóng cửa tại mức 114.38 điểm (-0.25%), với KLGD khớp lệnh đạt 50.8 triệu cổ phiếu (-13.8%), tương đương 697.6 tỷ đồng giá trị (-17.9%).

Trên sàn Hà Nội, các cổ phiếu thuộc nhóm dầu khí PVS (-2.2%), PGS (-4.6%), PVC (-3.6%), VLXD VCS (-5.2%), VIT (-5.3%), GKM (-0.7%) và chứng khoán ART (-9.8%), SHS (-1.9%), BVS (-1.3%) có diễn biến không mấy lạc quan. Đà tăng

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MSN	5,375.0	479.45
YEG	183.6	45.21
GEX	1,491.3	41.25
ROS	1,000.0	37.50
HPG	600.0	23.19
SAM	2,032.4	15.39
HBC	593.0	15.07
GTN	1,150.0	14.15
VPD	932.5	13.94
CTI	530.0	13.52
HNX		
SHN	1,429.8	12.30
VGC	607.0	11.40
VMC	220.0	4.95
CTB	127.5	3.67
DNY	477.0	3.01
ACB	8.5	0.26

của nhóm cảng biển PHP (+9.2%), DXP (+7.6%) đã phần nào giúp chỉ số không giảm quá sâu.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 5.5 tỷ đồng, lực bán tập trung ở các mã SHS (-7.6 tỷ), PVB (-1.3 tỷ), NDX (-0.6 tỷ). Ở phía ngược lại, khối này mua ròng các mã CEO (+2.6 tỷ), SHB (+0.9 tỷ), HLD (+0.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang có sự thận trọng nhất định. Không những vậy, áp lực điều chỉnh ngắn hạn đang có dấu hiệu quay trở lại, khi chỉ số có phiên cắt xuống MA20, kèm theo đường +DI cắt xuống -DI cho thấy xu hướng phục hồi trước đó đang suy yếu. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD và RSI đang đi xuống trở lại, cho tín hiệu tiêu cực, chỉ số có thể còn chịu áp lực điều chỉnh trong những phiên tới, ngưỡng hỗ trợ gần có thể là vùng 984 điểm (MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp và đi xuống dưới MA20, cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn đang quay trở lại. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại có thể là vùng 113.6 điểm (vùng đỉnh cũ tháng 8/2018). Nhìn chung, phiên giảm điểm ngày 08/10 cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng, thị trường có thể sẽ lùi về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý, đồng thời quan sát thị trường thận trọng nhằm phản ứng kịp thời với các kịch bản bất ngờ.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LGL	7.5	148.6	7.0%
HID	3.5	255.2	7.0%
TNT	2.8	1,166.5	6.9%
ATG	3.3	251.9	6.9%
C47	17.5	112.3	6.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KAC	6.8	0.0	-6.9%
HVG	8.2	1,259.0	-6.9%
TGG	10.8	591.0	-6.9%
HU1	9.5	0.1	-6.9%
TIE	9.3	0.0	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	13.9	244.6	0.4%
MSN	89.8	175.5	-1.3%
VIC	96.6	172.0	-1.9%
HSG	13.3	155.2	4.7%
HPG	41.2	154.1	-0.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	13.9	17,690.0	0.4%
HSG	13.3	11,860.4	4.7%
PVD	19.5	6,662.5	-4.4%
FLC	6.0	5,494.0	-0.3%
MBB	23.8	5,122.7	0.2%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VE4	6.6	5.4	10.0%
MIM	18.7	0.1	10.0%
ADC	19.8	0.1	10.0%
PJC	41.8	0.6	10.0%
VIE	13.3	0.1	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPS	0.8	350.1	-11.1%
ART	8.3	4,391.5	-9.8%
DPC	14.1	0.3	-9.6%
KST	16.2	1.0	-9.5%
CET	2.9	40.3	-9.4%

Top 5 giá trị

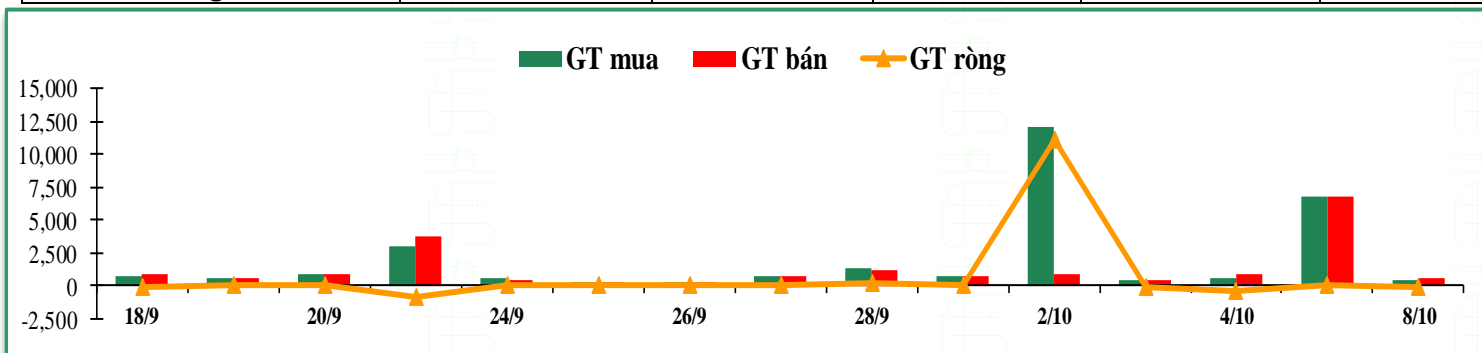
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	22.7	159.2	-2.2%
VCS	81.5	78.3	-5.2%
ACB	33.7	73.1	0.3%
SHB	8.8	66.5	-1.1%
VCG	19.7	60.2	2.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	8.8	7,543.4	-1.1%
PVS	22.7	6,989.2	-2.2%
ART	8.3	4,391.5	-9.8%
VCG	19.7	3,063.1	2.6%
HUT	5.9	2,500.4	1.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	476.3	11.5%	570.6	13.7%	-94.3
HNX	6.1	0.9%	11.6	1.7%	-5.5
Tổng số	482.4		582.2		-99.8



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	41.2	61.4	-0.6%
TCH	24.3	60.4	4.1%
BID	36.0	55.6	1.4%
YEG	239.0	43.8	3.9%
STB	13.9	41.3	0.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	96.6	122.6	-1.9%
MSN	89.8	95.5	-1.3%
HPG	41.2	65.2	-0.6%
NVL	63.5	50.9	-0.5%
VJC	140.6	40.9	-1.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCH	24.3	60.0	4.1%
BID	36.0	54.9	1.4%
YEG	239.0	43.6	3.9%
STB	13.9	40.9	0.4%
SBT	20.4	19.3	0.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CEO	13.7	2.6	0.0%
SHB	8.8	0.9	-1.1%
SHS	15.8	0.7	-1.9%
HLD	17.3	0.3	-0.6%
SEB	33.5	0.2	-4.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	15.8	8.3	-1.9%
PVB	21.9	1.3	-2.7%
NDX	15.2	0.6	1.3%
VCG	19.7	0.4	2.6%
VCS	81.5	0.3	-5.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CEO	13.7	2.6	0.0%
SHB	8.8	0.9	-1.1%
HLD	17.3	0.3	-0.6%
SEB	33.5	0.2	-4.3%
ITQ	4.5	0.1	9.8%

Tin trong nước

Chuyên gia nước ngoài dự báo tỉ giá USD/VNĐ của Việt Nam

Ngân hàng Standard Chartered vừa nâng dự báo tỉ giá USD/VNĐ lên 23.400 đồng/USD vào cuối năm 2018 nhưng sẽ giảm trong 2 năm 2019 và 2020.

Bên cạnh đó, Standard Chartered duy trì dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt 7% trong năm 2018 nhờ khu vực sản xuất hàng điện tử có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh và hoạt động tiêu dùng gia tăng. Lĩnh vực sản xuất và nông nghiệp sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong nửa cuối năm nay.

Giá xăng tăng gần 700 đồng/lít

Liên Bộ Công Thương - Tài chính ngày 6/10 tăng mạnh giá xăng E5 RON92 và xăng RON95, ghi nhận đợt điều chỉnh tăng thứ ba liên tiếp đối với giá mặt hàng này.

Theo thông báo mới nhất từ Liên Bộ Công Thương - Tài chính, giá xăng E5 RON92 tăng 675 đồng lên tối đa 20.906 đồng/lít và giá xăng RON95 tăng 577 đồng lên không cao hơn 22.347 đồng/lít.

Ngoài ra, giá một số một loại dầu nhiên liệu cũng tăng trong đợt điều chỉnh này. Cụ thể, dầu diesel 0.05S tăng 485 đồng lên không cao hơn 18.611 đồng/lít, dầu hỏa tăng 403 đồng lên tối đa 17.086 đồng/lít. Tăng mạnh nhất là dầu mazut 180CST 3.5S với mức tăng 752 đồng lên tối đa 15.694 đồng/kg.

Giá cao su xuất khẩu giảm mạnh

Đến hết ngày 15/9/2018, giá xuất khẩu trung bình đạt 1.388 USD/tấn, thấp hơn 18,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Nhìn chung tháng 8/2018, giá xuất khẩu các mặt hàng cao su đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, cao su tổng hợp có giá xuất khẩu bình quân giảm mạnh nhất, giảm 18%, giá cao su SVR 10 giảm 15,7%, SVR 3L giảm 13,7%, SVR 20 giảm 16,3%, Latex giảm 17,1%...

Giá xuất khẩu cao su trung bình 15 ngày đầu tháng 9 dao động ở mức 1.285 USD/tấn, tăng 1% so với mức giá xuất khẩu của 15 ngày trước, nhưng giảm khoảng 20% so với mức giá cùng kỳ năm 2017.

Theo ước tính, xuất khẩu cao su trong tháng 9/2018 đạt 160 nghìn tấn, trị giá 206 triệu USD, giảm 6,5% về lượng và giảm 5,5% về trị giá so với tháng 8/2018; tăng 6,8% về lượng, nhưng giảm 12,7% về trị giá so với tháng 9/2017. Lũy kế 9 tháng năm 2018, xuất khẩu cao su đạt 1,03 triệu tấn, trị giá 1,43 tỷ USD, tăng 9,1% về lượng, nhưng giảm 11,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2018, xuất khẩu nhiều chủng loại cao su tăng so với cùng kỳ năm 2017, trong khi xuất khẩu cao su tổng hợp, SVR CV60... lại giảm. Cao su tổng hợp chiếm 50,7% lượng cao su xuất khẩu trong tháng 8/2018, đạt 80,7 nghìn tấn, trị giá 110,15 triệu USD, giảm 15,7% về lượng và giảm 7,9% về trị giá so với tháng 8/2017.

Tin doanh nghiệp niêm yết

SCIC bán trọn lô VCG: Chờ đợi một thương vụ tương tự Sabeco?

SCIC rao bán trọn lô 57,71% vốn Vinaconex tạo cơ hội cho những nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước thu tóm một cách nhanh, gọn nhất.

Cơ hội cho nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước thu tóm nhanh, gọn

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) vừa thông báo triển khai bán đấu giá công khai trọn lô 255 triệu cp, tương ứng 57,71% vốn Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex, HNX: VCG) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính. Thời gian SCIC tổ chức đấu giá dự kiến diễn ra trong quý IV.

Với mức giá hiện nay của cổ phiếu Vinaconex ở mức 20.000 đồng/cp, giá trị của thương vụ có thể đạt 5.100 tỷ đồng. Nhắc lại rằng, cuối năm 2017, SCIC cũng chào bán 22% vốn Vinaconex, ứng hơn 96,2 triệu cổ phiếu nhưng chỉ bán được 350.000 đơn vị.

Vingroup mua lại toàn bộ chuỗi Fivimart

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại VinCommerce, đơn vị thành viên của Tập đoàn Vingroup, công bố chính thức hoàn tất thương vụ mua lại toàn bộ chuỗi siêu thị Fivimart.

Sau sát nhập, VinCommerce sở hữu hệ thống bán lẻ quy mô lớn nhất Việt Nam với khoảng 100 siêu thị VinMart và 1.400 cửa hàng tiện lợi VinMart+ trên toàn quốc. Mục tiêu của hệ thống tới 2020 sẽ đạt tới 200 siêu thị VinMart và 4.000 cửa hàng VinMart+.

Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (TCT) sắp trả cổ tức đợt 2/2017

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (TCT) sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 2 năm 2017, tỷ lệ 3%, vào ngày 19/10 tới.

Ngày thanh toán dự kiến là 30/10. Trước đó, TCT chia cổ tức bằng tiền tổng tỷ lệ 55% trong năm 2017, bao gồm 27% cổ tức đợt 1 năm 2017 và 28% đợt 2 năm 2016. Với đợt chia 3% sắp tới, TCT chia cổ tức tổng cộng 30% bằng tiền cho năm 2017 (năm 2016 chia 45%). Dự kiến, năm 2018, Công ty duy trì mức cổ tức 30%.

PHR lãi 9 tháng đạt 425 tỷ đồng, vượt 6% kế hoạch năm

CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE: PHR) cho biết trong tháng 9 giao bán 2.953 tấn mủ thành phẩm, giá bán bình quân 31,3 triệu đồng/tấn. Lũy kế 9 tháng, công ty tiêu thụ 19.380 tấn mủ thành phẩm tại giá bán bình quân 34,1 triệu đồng/tấn (giảm 17,6% so với cùng kỳ 2017).

Theo đó, doanh thu lũy kế 9 tháng đạt 661,8 tỷ đồng, gồm 170,3 tỷ xuất khẩu trực tiếp, 14,4 tỷ ủy thác xuất khẩu và 477 tỷ nội tiêu. Tổng doanh thu (cả mủ skim) đạt 664,6 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 425 tỷ đồng, vượt 6% kế hoạch năm sau 9 tháng

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	FMC	Chốt lời	9/10/2018	27.8	21.0	32.1%	30.7	46.2%	20.0	-4.8%	Xu hướng yếu đi
2	VCS	Cắt lỗ	9/10/2018	81.5	98.8	-17.5%	105.0	6.3%	94.7	-4.1%	Chạm ngưỡng cắt lỗ
3	BSR	Cắt lỗ	9/10/2018	19.1	20.7	-7.7%	25.0	20.8%	19.0	-8.2%	Chạm ngưỡng cắt lỗ

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VSC	Nắm giữ	27/7/2018	45.40	33.40	35.9%	47.6	43%	32.1	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 47.6 ngàn
2	BMP	Nắm giữ	31/8/2018	68.00	54.20	25.5%	70.5	30%	52.4	-3%	
3	GAS	Nắm giữ	31/8/2018	116.50	105.00	11.0%	130.0	24%	100.0	-5%	
4	VGT	Nắm giữ	10/9/2018	12.90	10.20	26.5%	14.8	45%	9.3	-9%	
5	C32	Mua	11/9/2018	30.20	28.85	4.7%	32.8	14%	27.3	-5%	
6	HPG	Mua	12/9/2018	41.20	40.00	3.0%	44.4	11%	38.0	-5%	
7	NT2	Mua	13/9/2018	26.70	25.70	3.9%	27.8	8%	24.8	-4%	Điều chỉnh giá sau chia tách Giá đi theo kịch bản khuyến nghị ngày 13/09/2018
8	TCB	Nắm giữ	13/9/2018	29.35	25.20	16.5%	32.0	27%	24.5	-3%	
9	SHB	Mua	20/9/2018	8.80	8.60	2.3%	10.0	16%	8.2	-5%	
10	REE	Mua	20/9/2018	36.95	36.20	2.1%	38.0	5%	35.1	-3%	
11	VPB	Mua	24/9/2018	25.30	26.30	-3.8%	30.2	15%	25.0	-5%	
12	IDI	Mua	25/9/2018	13.40	13.25	1.1%	15.4	16%	12.7	-4%	
13	VRE	Mua	25/9/2018	39.30	39.85	-1.4%	45.0	13%	37.5	-6%	
14	BMI	Mua	27/9/2018	23.30	24.40	-4.5%	27.4	12%	22.7	-7%	
15	QNS	Mua	4/10/2018	40.60	40.60	0.0%	44.5	10%	39.0	-4%	
16	GEX	Mua	5/10/2018	29.00	29.50	-1.7%	32.5	10%	28.2	-4%	
17	GMD	Mua	5/10/2018	28.35	27.70	2.3%	29.7	7%	26.4	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018E (tỷ)	EPS 2018E	BV 2018E	ROE 2018E	ROA 2018E	PE 2018E	PB 2018E	Cổ tức dự kiến**
VNM (New)	HOSE	133,000	160,172	27/09/2018	11,192	6,427	20,487	44%	31%	24.9	7.8	50%
VCB (New)	HOSE	61,600	67,701	26/09/2018	13,859	3,852	18,162	23%	1%	16.7	3.6	108%
HPG (New)	HOSE	41,200	46,600	18/09/2018	9,172	4,318	18,520	26%	15%	10.8	2.5	N/A
DBC (New)	HNX	29,500	31,100	31/08/2018	284	3,429	32,647	11%	4%	7.0	0.7	10%
DRC (New)	HOSE	26,050	31,100	27/08/2018	273	2,295	12,012	28%	15%	21.5	2.5	25%
SBT (New)	HOSE	20,400	25,137	22/08/2018	775	1,392	16,110	10%	4%	18.0	1.5	6%
HDG (New)	HOSE	38,350	32,700	15/08/2018	582	3,630	15,976	26%	6%	9.2	2.1	N/A
OIL	HOSE	17,400	16,354	14/08/2018	753	692	9,541	8%	3%	24.0	1.7	N/A
NVL	HOSE	63,500	58,130	07/08/2018	2,886	3,094	16,190	16%	7%	18.4	3.5	N/A
TCM	HOSE	29,500	26,417	01/08/2018	226	4,163	30,101	20%	7%	6.3	0.9	10%
GMD	HOSE	28,350	25,174	30/07/2018	1,961	6,733	20,593	32%	18%	3.7	1.2	80%
NLG	HOSE	32,400	37,135	27/07/2018	748	2,884	19,305	19%	10%	10.4	1.5	5%
PPC	HOSE	19,400	21,136	18/07/2018	1,184	2,812	17,917	21%	15%	7.5	1.2	25%
MSN	HOSE	89,800	80,800	16/07/2018	3,971	3,414	17,461	19%	6%	24.0	4.6	N/A
VSC	HNX	45,400	50,500	05/07/2018	264	4,725	31,579	16%	9%	10.6	1.6	20%
PNJ	HOSE	106,700	94,447	05/07/2018	895	5,519	28,179	25%	18%	17.0	3.0	18%
DHG	HOSE	93,800	106,113	19/06/2018	676	5,751	24,796	25%	17%	21.0	4.3	30%
AAA	HOSE	16,800	22,162	14/06/2018	333	1,993	20,135	15%	6%	11.0	1.1	15-20%
HSG	HOSE	13,300	10,700	14/06/2018	854	2,441	15,461	15%	4%	4.3	0.7	10%
GAS	HOSE	116,500	110,300	05/06/2018	11,463	5,953	24,552	25%	17%	18.5	4.5	40%
DXG	HOSE	28,700	34,600	05/06/2018	1,211	2,447	12,212	26%	12%	13.0	2.6	20%
NKG	HOSE	15,000	21,445	29/05/2018	542	2,555	16,977	17%	7%	5.7	0.9	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.